

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DS-ST  
Ngày: 11 - 4 - 2023  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự, mua bán và thuê tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Giữ.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, mua bán tài sản và thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Ng đơn:* Ông Võ Anh Q, sinh năm 1982 (Chủ hộ kinh doanh Anh Q). Địa chỉ: Số 653, tổ 15, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)
2. *Bị đơn:* Ông Võ Hồng N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 08, ấp KA, xã KH, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 653, tổ 15, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Anh Q trình bày:*

Ngày 18/5/2021, ông N có đến cửa hàng của ông Q (Hộ kinh doanh Anh Q do ông Q làm chủ) để mua ván ép cospha và thuê các thiết bị xây dựng với tổng số tiền 18.625.000 đồng, nhưng ông N chỉ trả được số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại

14.625.000 đồng đến nay ông N vẫn chưa trả. Ông Q đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông N trả lại số tiền còn nợ nhưng ông N không trả và thách thức ông Q đi kiện. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N trả số tiền mua ván ép cospha và tiền thuê thiết bị xây dựng còn nợ là 14.625.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 24/11/2021, vợ ông Q là bà Nguyễn Thị Ngọc Ng có thay mặt ông Q ký hợp đồng thuê với ông N. Do là vợ chồng N khi nào đi vắng ở cửa hàng thì ông Q đồng ý để bà Ng thay mặt ký hợp đồng với khách hàng khi họ đến mua hoặc thuê tài sản. Việc bà Ng ký hợp đồng với ông N thì giống như ông Q ký hợp đồng với ông N. Về đoạn ghi âm trong USB giao nộp cho Tòa án có nội dung như sau: Ngày 27/4/2021, ông N điện thoại mua ván ép số lượng 35 tấm, tôi đã giao hàng lên Châu Đốc. Ngày 13/5/2021, ông N điện thoại mua ván ép số lượng 20 tấm. Ngày 18/5/2021, ông N gọi điện thuê thiết bị xây dựng. Ngày 20/5/2021, ông N điện thoại mua ván ép số lượng 20 tấm và thuê thiết bị xây dựng, ông Q ghi nợ toàn bộ, ông N hứa chiều 20/5/2021 sẽ trả nhưng không thực hiện. Ngày 22/11/2021, ông N gọi điện thuê thêm thiết bị xây dựng và xác nhận còn nợ 15-16.000.000đ, hứa cuối tuần trả 10.000.000đ nhưng không trả. Đến ngày 31/8/2022, ông N gọi điện thừa nhận còn nợ mười mấy triệu và có dùng lời lẽ không hay đòi ông Q phải trả lại danh dự. Sau đó, ông N vẫn không trả tiền N ông Q thừa đến Ban chấp.

*Tại bản tự khai ngày 21/02/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc Ng trình bày:*

Bà Ng và ông Q là vợ chồng, ông Q là chủ hộ kinh doanh Anh Q. Ngày 24/11/2021, bà Ng thay mặt ông Q ký hợp đồng cho thuê tài sản với ông N; việc này được ông Q đồng ý mỗi khi ông Q không có mặt ở cửa hàng. Do đó, hợp đồng thuê tài sản là giữa ông Q và ông N, bà Ng không liên quan trong vụ án.

*Qua xác minh tại Công an xã Khánh Hòa xác định:* Ông Võ Hồng N, sinh năm 1985, đăng ký thường trú tại tổ 08, ấp Khánh An, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông N đang sinh sống tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

*Tại phiên tòa,*

Ông Q trình bày lời khai phù hợp với lời khai của ông Q trước khi mở phiên tòa. Ông Q còn khai trên toa hàng ngày 25/7/2022 và hợp đồng thuê ngày 24/11/2021 do chính ông N ký tên xác nhận nợ. Về thời hạn trả tiền không thỏa thuận cụ thể, trước khi giao hàng thì ông N sẽ điện thoại và nói thời gian trả tiền, ông Q đồng ý thì mới giao hàng. Nay ông Q giữ Ng yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông N trả số tiền mua ván ép cospha và tiền thuê thiết bị xây dựng còn nợ là 14.625.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Bà Ng trình bày lời khai phù hợp với lời khai của bà Ng trước khi mở phiên tòa; bà Ng có ghi toa hàng và hợp đồng thay cho ông Q, nay đồng ý giải quyết buộc ông N trả tiền cho ông Q.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:*

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông N trả cho ông Q số tiền mua ván ép cospha và tiền thuê thiết bị xây dựng còn nợ là 14.625.000 đồng; ông Q không yêu cầu tính lãi N không xem xét.

- Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng mua bán tài sản và thuê tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, N Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N, trong đó có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của Ng đơn cùng chứng cứ kèm theo là các Toa hàng và hợp đồng thuê, nhưng ông N không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ng đơn, N thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ng đơn cung cấp làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng mua bán tài sản và thuê tài sản:

[3.1] Căn cứ các Toa hàng và hợp đồng thuê, lời khai của ông Q, bà Ng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa ông Q và ông N có xác lập hợp đồng mua bán và thuê tài sản (ván ép và thiết bị xây dựng); không thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh toán; không thỏa thuận về tính lãi chậm trả. Tính đến ngày 25/7/2022, ông N còn nợ ông Q số tiền mua hàng và tiền thuê là 14.625.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng mua bán và thuê tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 430 và 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015, N làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận N Ng đơn ông Q khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền 14.625.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 433, 440 và 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015 N Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Ông Q không yêu cầu tính lãi chậm trả tiền N Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận toàn bộ N ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Q tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của Ng đơn được chấp nhận toàn bộ N ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 433, 440, 472 và 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Anh Q về việc yêu cầu ông Võ Hồng N trả tiền nợ mua hàng và thuê tài sản.

Buộc ông Võ Hồng N có trách nhiệm trả cho ông Võ Anh Q số tiền 14.625.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Võ Anh Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Võ Hồng N chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 731.000 đồng (Bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho ông Võ Anh Q số tiền 365.500 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005029 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**3.** Về quyền kháng cáo: Ông Võ Anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Giữ**

**Trương Thị Thu Thủy**

**Nguyễn Duy Linh**